

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH THỦY SẢN**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã số học phần: 350179

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: Nhập môn thủy sản

Tên Tiếng Anh: Introduction of Aquaculture

Đơn vị phụ trách:

- *Bộ môn:* THỦY SẢN
- *Khoa:* NÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (2 tín chỉ lý thuyết)

Phân bổ thời gian: 8 tuần (8 tuần học lý thuyết - 4 tiết tự học/tuần) (4 tiết lý thuyết/tuần)

Học kỳ: 1 (học kỳ 1 năm thứ 1)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- *GV phụ trách chính:* Trần Thị Hồng Tơ (SĐT: 0944827980; Email: tthongto@tvu.edu.vn)
- *Danh sách giảng viên cùng GD:* Phạm Thị Bình Nguyên (SĐT: 0978.755.895; Email: phamnguyen@tvu.edu.vn)

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- *Môn học tiên quyết:* Không
- *Môn học trước hoặc song song:* Không

Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>							
Bắt buộc		Tự chọn	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mô tả học phần

Môn học giới thiệu cho sinh viên kiến thức về tổng quan về nuôi trồng thủy sản, các nguyên lý trong nuôi trồng thủy sản, các sản phẩm từ động vật thủy sản, bệnh học thủy sản, quản lý nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường sinh thái, có các kiến thức cơ bản để tiếp thu các môn học có liên quan rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cập nhật thông tin về nuôi trồng thủy sản, đánh giá xu hướng phát triển của nghề nuôi, đọc các tài liệu, làm việc theo nhóm và giáo dục sinh viên thái độ đúng đắn đối với ngành nuôi trồng thủy sản.

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

Môn học này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về lịch sử phát triển ngành thủy sản của Việt Nam, các hệ thống nuôi thủy sản, thuận lợi và thách thức trong phát triển ngành thủy sản ở Việt Nam. Môn học còn giới thiệu một số hệ thống nuôi thủy sản ở một số quốc gia khác.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (*Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix : Sự đóng góp của mỗi học phần cho ELOs của CTĐT*).

N : Không đóng góp/không liên quan

S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT										
		ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11
	NMTS	S	N	N	S	S	S	S	N	N	S	S

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
CELO1	Mô tả lịch sử phát triển và đóng góp của ngành thủy sản ở Việt Nam	ELO1
CELO2	Xác định các đối tượng thủy sản và các hệ thống nuôi thủy sản quan trọng ở Việt Nam và các quốc gia có phát triển ngành nuôi trồng thủy sản	ELO4
CELO3	Xác định những thuận lợi và khó khăn trong phát triển nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam	ELO1
Kỹ năng		
CELO4	Phân tích các vấn đề liên quan đến phát triển nuôi trồng thủy sản	ELO5
CELO5	Làm việc độc lập, làm việc nhóm	ELO6
CELO6	Vận dụng kỹ năng đọc hiểu tài liệu tiếng anh chuyên ngành, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình	ELO7
Thái độ		
CELO7	Ý thức đạo đức nghề nghiệp	ELO10
CELO8	Ý thức tự học, tự nghiên cứu	ELO11

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- + Diễn giảng bằng powerpoint, đặt câu hỏi, trình chiếu video
- + Thảo luận nhóm.

2. Phương pháp học tập

- + Lắng nghe, trả lời câu hỏi

- + Thảo luận nhóm và trình bày
- + Đọc tài liệu (tự học) và báo cáo chuyên đề, nhận xét, phản biện, đánh giá.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 70% các buổi học
- + Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc tài liệu giảng dạy, sách tham khảo và tìm kiếm tài liệu do giảng viên cung cấp và giới thiệu.
- + Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi, nhận xét, phản biện, đánh giá và cầu thị.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Trọng số: Đánh giá quá trình: 50% Thi cuối kỳ: 50%

VII. Nội dung môn học

1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy):

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lịch sử phát triển và vai trò của ngành thủy sản ở Việt Nam, cá đối tượng và các mô hình nuôi thủy sản quan trọng và tiềm năng và thách thức của ngành nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam.

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Phát triển nuôi trồng thủy sản ở một số quốc gia trên thế giới

Phương pháp đánh giá:

Chương	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Chương 1: Lịch sử và vai trò của ngành nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam	CELO1, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8	Câu hỏi ngắn Câu hỏi thảo luận nhóm	Xác định vai trò của ngành nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam
Chương 2: Các đối tượng và hệ thống nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam	CELO2, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8	Câu hỏi ngắn Câu hỏi thảo luận nhóm	Xác định các đối tượng thủy sản quan trọng ở Việt Nam Phân tích ưu và nhược điểm của một số hệ thống nuôi thủy sản ở Việt Nam
Chương 3: Các đối tượng và hệ thống nuôi thủy sản ở một số quốc gia trên thế giới	CELO2, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8	Câu hỏi ngắn Câu hỏi thảo luận nhóm	Xác định các đối tượng và hệ thống nuôi thủy sản ở các nước Đông Nam Á
Chương 4: Tác động của ngành nuôi trồng thủy sản đến môi trường và phát triển kinh tế xã hội	CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8	Câu hỏi ngắn Câu hỏi thảo luận nhóm	Phân tích thuận lợi và khó khăn cho sự phát triển của ngành nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam

Bảng 1. Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần

Các KQHTMĐ của HP	Câu hỏi ngắn (10 %)	Thuyết trình (40 %)	Thi cuối kỳ (50 %)
CELO1	X		X
CELO2	X	X	X
CELO3	X		X
CELO4	X	X	X
CELO5	X	X	
CELO6	X	X	
CELO7	X	X	X
CELO8	X	X	

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

A. Phân lý thuyết (8 tuần)

Tuần	Nội dung chi tiết	KQHTMĐ của học phần
1, 2	Chương 1: Lịch sử và vai trò của ngành nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam (5 tiết)	CELO1, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8
2, 3, 4	Chương 2: Các đối tượng và hệ thống nuôi thủy sản ở Việt Nam (10 tiết)	CELO2, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8
4,5	Chương 3: Các đối tượng và hệ thống nuôi thủy sản ở một số quốc gia trên thế giới (5 tiết)	CELO2, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8
6, 7, 8	Chương 4: Tác động của ngành nuôi trồng thủy sản đến môi trường và phát triển kinh tế xã hội (10 tiết)	CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8

IX. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình

- Giáo trình chính:

- Kim Văn Vạn. 2009. Giáo trình nuôi trồng thủy sản đại cương. Đại học Nông nghiệp Hà Nội

- Tài liệu học tập

Tài liệu tiếng việt

- Nguyễn Văn Tư. 2012. Bài giảng thủy sản đại cương. Trường Đại học Nông Lâm TPHCM
- Nguyễn Công Văn. 2017. Tổng quan về ô nhiễm nông nghiệp tại Việt Nam: Ngành

Thủy Sản. Được soạn thảo cho Ngân hàng Thế giới, Washington, DC.

3. Tổng cục thủy sản. 2018. Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL): Giải pháp bảo vệ môi trường nuôi trồng thủy sản. <https://tongcucthuysan.gov.vn>
4. Trần Văn Việt. 2013. Vai trò và tiềm năng của ngành thủy sản đối với sự phát triển kinh tế của Đồng Bằng Sông Cửu Long, Việt Nam. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Phần B: Nông nghiệp, Thủy sản và Công nghệ Sinh học: 27: 136-144
5. Trịnh Thị Long và Dương Công Chính. 2017. Nuôi tôm ở Đồng Bằng Sông Cửu Long: Tồn tại và thách thức. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam. 8: 36-38

Tài liệu tiếng nước ngoài

1. FAO. 2019. National Aquaculture Sector Overview. Indonesia
2. FAO. 2019. National Aquaculture Sector Overview. Malaysia
3. FAO. 2019. National Aquaculture Sector Overview. Phillipines
4. FAO. 2019. National Aquaculture Sector Overview. Thailand

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: phòng học lý thuyết
- Phương tiện phục vụ giảng dạy lý thuyết: projector, giấy A0, Bút viết lông, bảng, phấn

Trà Vinh, ngày 3 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Kí và ghi rõ họ tên)



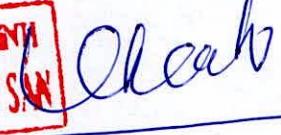
Phan Thị Thanh Trúc

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Kí và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hồng Tơ

TRƯỞNG KHOA
(Kí và ghi rõ họ tên)



Lâm Thành Hùng

PHỤ LỤC

KHOA NÔNG NGHIỆP – THỦY SẢN

BỘ MÔN THỦY SẢN

LỚP:

MÃ LỚP:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá):
2. Chức danh, học vị:
3. Đơn vị công tác:
4. Họ và tên sinh viên thực hiện:
5. Môn học:
6. Địa điểm thực hiện:.....
7. Thời gian đánh giá:.....

Rubric 1: Đánh giá CÂU HỎI NGẮN

Rubric 1: Đánh giá CÂU HỎI NGẮN					
Tiêu chí	Điểm số	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	10	100%	75%	50%	0%
Nội dung	9	Trả lời đúng tất cả câu hỏi	Trả lời đúng 75% câu hỏi	Trả lời đúng 50% câu hỏi	Trả lời sai hơn 50% câu hỏi
Thời gian	1	Hoàn thành trả lời đúng thời gian cho phép	Hoàn thành trả lời trễ tối đa 1 phút so với thời gian chỉ phép	Hoàn thành trả lời trễ tối đa 2 phút so với thời gian cho phép	Hoàn thành trả lời trễ hơn 2 phút so với thời gian cho phép

Rubric 2: Đánh giá THUYẾT TRÌNH

Rubric 2: Đánh giá THUYẾT TRÌNH					
Tiêu chí	Điểm số	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	TB	Kém
	10	100%	75%	50%	0%
Nội dung	5	Phong phú (Đầy đủ bối cảnh của một bài thuyết trình; đầy đủ nội dung; hình ảnh, bảng biểu và nội dung được bố trí phù hợp)	Đầy đủ (đầy đủ nội dung, hình ảnh và bảng biểu phù hợp)	Khá đầy đủ (thiếu 1 nội dung quan trọng)	Chưa đầy đủ (Thiếu nhiều nội dung quan trọng)

và dễ hiểu)					
Hình thức	1	Đẹp và cấu trúc bài thuyết trình dễ hiểu (hình ảnh sắc nét; slide hài hòa; nhiều sơ đồ, bảng biểu, chữ to và rõ thu hút ánh nhìn; hình ảnh và bảng biểu phù hợp với nội dung; không quá nhiều chữ trên 1 slide)	Hài hòa (slide hài hòa, có hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, chữ to và rõ thu hút ánh nhìn,)	Rõ ràng (rõ ràng về cỡ chữ, thiếu hình ảnh, bảng biểu)	Chưa đẹp (nhiều font chữ; chữ nhỏ; nhiều chữ trên 1 slide, sơ đồ, hình ảnh và bảng biểu không rõ; không thu hút ánh nhìn)
Trình bày báo cáo	1.5	Mạch lạc, giọng nói to và rõ ràng,	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
	1	Lập luận khoa học và logic	Lập luận khá khoa học và logic, còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có dựa vào căn cứ khoa học nhưng còn một sai sót quan trọng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Tương tác với người nghe	0.5	Tương tác tốt (cử chỉ, ánh mắt, thái độ cầu thị)	Tương tác khá tốt (cử chỉ, ánh mắt, thái độ cầu thị, một vài sai sót về cử chỉ)	Tương tác ít (vài sai sót trong cử chỉ và tương tương tác mắt, chưa thể hiện rõ thái độ cầu thị)	Không có tương tác (Không tương tác bằng mắt, sai sót lớn trong cử chỉ, thái độ báo cáo chưa tốt)
	0.5	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi quan trọng	Trả lời khá thỏa đáng đa số câu hỏi quan trọng	Trả lời tương đối thỏa đáng một số câu hỏi quan trọng, còn nhiều câu chưa trả lời được	Trả lời sai tất cả các câu hỏi quan trọng
Sự phối hợp trong nhóm	0.5	Nhóm phối hợp tốt	Nhóm phối hợp khá tốt	Nhóm có phối hợp nhưng chưa tốt	Không thể hiện sự phối hợp

Rubric 3: Đánh giá THI CUỐI KÌ

Tiêu chí	Điểm số	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Kém
		10	100%	75%	50%

Nội dung	9	Trả lời đúng tất cả nội dung	Trả lời thiếu tối đa 25% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu tối đa 50% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu nhiều hơn 50% nội dung quan trọng
Ý mới	1	Cộng tối đa 1 điểm cho những bài có nội dung trả lời mang tính mới so với đáp án nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác. Điểm tổng bài thi không quá 10 điểm			